

**PHỤ LỤC 1**  
**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI CHỨNG CHỈ, CHỨNG NHẬN NGOẠI NGỮ TƯƠNG ỨNG**  
**VỚI YÊU CẦU CHUẨN ĐẦU RA VỀ TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ (\*)**

(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-ĐHVN ngày tháng năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Nhật, ĐHQGHN)

**1. Tiếng Anh**

<b>Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam</b>	<b>IELTS</b>	<b>TOEFL</b>	<b>TOEIC</b>	<b>Cambridge Exam</b>	<b>Aptis</b>	<b>Vietnamese Standardized Test of English Proficiency</b>	<b>Kỳ thi đánh giá năng lực theo định hướng giao tiếp nghề nghiệp tại ĐHQGHN (VNU-Tests)</b>
Bậc 3	4.5	460 ITP 42 iBT	Reading 275 Listening 275 Speaking 120 Writing 120	A2 Key: 140 B1 Preliminary: 140 B2 First: 140 B1 Business Preliminary: 140 B2 Business Vantage: 140	B1 (General)	VSTEP.3-5 (4.0)	Bậc 3
Bậc 4	5.5	543 ITP 72 iBT	Reading 385 Listening 400 Speaking 160 Writing 150	B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary: 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160	B2 (General)	VSTEP.3-5 (6.0)	Bậc 4
Bậc 5	6.5	627 ITP 95 iBT	Reading 455 Listening 490 Speaking 180 Writing 180	B2 First: 180 C1 Advanced: 180 C2 Proficiency: 180 B2 Business Vantage: 180 C1 Business Higher: 180	C1 (Advanced)	VSTEP.3-5 (8.5)	Bậc 5

## 2. Tiếng Nhật

<b>Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam</b>	<b>JLPT</b>	<b>NAT-TEST</b>	<b>J-TEST</b>	<b>Kỳ thi đánh giá năng lực theo định hướng giao tiếp nghề nghiệp tại ĐHQGHN (VNU-Tests)</b>	<b>Bài thi ĐGNLNN tiếng Nhật bậc 5 của Trường ĐHNN, ĐHQGHN</b>
Bậc 3	N3	3Q	500	Bậc 3	-
Bậc 4	N2	2Q	600	Bậc 4	
Bậc 5	N1	1Q	700	Bậc 5	

- Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu người học cần đạt được;
- Các chứng chỉ tiếng Nhật có 3 kỹ năng Nghe - Đọc - Viết được công nhận là JLPT, NAT-TEST, J-TEST;
- Đối với một số chứng nhận/chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế không thông dụng khác, Trường Đại học Việt Nhật sẽ gửi đề nghị cho Trường Đại học Ngoại ngữ về việc xác nhận việc quy đổi điểm tương đương;
- Trường Đại học Việt Nhật không công nhận các chứng nhận/chứng chỉ ngoại ngữ thi trực tuyến./.